



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2015



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy Chứng nhận</b>	3703000188	ngày 2 tháng 3 năm 2006
<b>Đăng ký Kinh doanh số</b>	4200636590	ngày 2 tháng 11 năm 2009

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 10 tháng 4 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Bà Nguyễn Thị Hoa Bà Trần Quế Trang  Ông Trầm Kim Dũng Ông Nguyễn Quốc Việt  Bà Hoàng Thị Thu Huyền  Ông Cáp Thành Dũng  Ông Nguyễn Thanh Ngữ  Ông Bùi Văn Lang  Ông Phan Vũ Hùng	Chủ tịch Phó Chủ tịch (từ ngày 19 tháng 6 năm 2015) Thành viên Thành Viên (từ ngày 14 tháng 9 năm 2015) Thành viên (đến ngày 14 tháng 9 năm 2015) Thành viên (từ ngày 11 tháng 11 năm 2014 đến ngày 15 tháng 5 năm 2015) Thành viên (đến ngày 11 tháng 11 năm 2014) Thành viên (từ ngày 21 tháng 10 năm 2014 đến ngày 7 tháng 5 năm 2015) Thành viên (đến ngày 21 tháng 10 năm 2014)
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Trầm Kim Dũng Ông Nguyễn Tiến Cường Ông Trần Quốc Thảo	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 4 tháng 5 năm 2015)
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Phạm Cao Sơn Ông Lưu Mạnh Thức Ông Bùi Tấn Khải	Trưởng ban Kiểm soát Thành viên Thành viên
<b>Trụ sở đăng ký</b>	Thôn Phước Lâm Xã Ninh Xuân Thị xã Ninh Hòa Tỉnh Khánh Hòa Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Công ty”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 52 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.



Trần Kim Dũng  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Khánh Hòa, ngày 25 tháng 9 năm 2015



**KPMG Limited Branch**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 9 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến 52.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 14-01-914



  
Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0414-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2015

Nguyễn Cẩm Tú  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2193-2013-007-1

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015**

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>979.720.592.200</b>	<b>1.179.354.566.897</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>341.506.801.949</b>	<b>19.932.166.208</b>
Tiền	111		21.506.801.949	19.932.166.208
Các khoản tương đương tiền	112		320.000.000.000	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>23.200.000.000</b>
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>7</b>	<b>303.451.187.016</b>	<b>784.699.933.427</b>
Phải thu khách hàng	131		106.073.896.159	350.503.090.878
Trả trước cho người bán	132		133.804.595.308	127.665.221.217
Các khoản phải thu khác	135		63.732.999.272	306.857.297.692
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(160.303.723)	(325.676.360)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>324.181.415.528</b>	<b>343.597.152.010</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.581.187.707</b>	<b>7.925.315.252</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		278.962.151	959.119.791
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	154		4.602.369.602	709.218.291
Tài sản ngắn hạn khác	158		699.855.954	6.256.977.170
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>921.720.783.660</b>	<b>741.997.779.137</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>329.847.158.918</b>	<b>341.434.946.866</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	323.450.737.919	331.452.211.217
Nguyên giá	222		507.496.342.518	468.493.202.550
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(184.045.604.599)	(137.040.991.333)
Tài sản cố định vô hình	227	10	255.748.522	316.966.830
Nguyên giá	228		715.230.534	637.230.534
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(459.482.012)	(320.263.704)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	6.140.672.477	9.665.768.819
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>571.796.270.138</b>	<b>387.834.434.709</b>
Đầu tư vào các công ty con	251		330.235.035.340	131.406.800.187
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		136.918.628.178	179.525.027.902
Đầu tư dài hạn khác	258		138.601.234.798	109.101.234.798
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(33.958.628.178)	(32.198.628.178)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.077.354.604</b>	<b>12.728.397.562</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	18.378.801.604	12.659.897.562
Tài sản dài hạn khác	268		1.698.553.000	68.500.000
<b>TỔNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.901.441.375.860</b>	<b>1.921.352.346.034</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>975.034.239.436</b>	<b>1.067.913.973.248</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>887.936.590.367</b>	<b>915.284.925.311</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	14	770.294.107.623	711.400.179.612
Phải trả người bán	312	15	42.003.480.171	77.650.872.646
Người mua trả tiền trước	313		744.065.260	136.571.044
Thuế phải nộp Nhà nước	314	16	1.684.670.921	18.024.470.609
Phải trả người lao động	315		10.953.118.818	10.851.139.921
Chi phí phải trả	316	17	26.420.881.241	29.770.053.925
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	27.803.609.718	59.884.242.094
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	19	8.032.656.615	7.567.395.460
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>87.097.649.069</b>	<b>152.629.047.937</b>
Vay và nợ dài hạn	334	20	87.097.649.069	152.629.047.937
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>926.407.136.424</b>	<b>853.438.372.786</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>926.407.136.424</b>	<b>853.438.372.786</b>
Vốn cổ phần	411	22	607.500.000.000	607.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	12.165.550.000	12.165.550.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		116.170.212.653	111.993.139.098
Quỹ dự phòng tài chính	418		22.454.528.292	18.371.956.237
Lợi nhuận chưa phân phối	420		168.116.845.479	103.407.727.451
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>1.901.441.375.860</b>	<b>1.921.352.346.034</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2014</b> <b>VND</b>
Ngoại tệ (Đô la Mỹ)	225.993.641	209.345.880

Ngày 25 tháng 9 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Thị Như Hiếu

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Trang

Giám đốc tài chính

Võ Thị Thủy Tiên





Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Tổng doanh thu	01	23	1.019.783.811.210	635.083.305.343
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	2.489.308.801	-
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	<b>1.017.294.502.409</b>	<b>635.083.305.343</b>
Giá vốn hàng bán	11	24	858.973.032.912	515.856.793.298
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>158.321.469.497</b>	<b>119.226.512.045</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	47.614.712.795	16.417.664.660
Chi phí tài chính	22	26	70.364.602.123	35.215.296.636
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		46.034.371.948	24.570.492.372
Chi phí bán hàng	24		17.966.254.643	9.190.460.397
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		40.743.025.292	20.629.495.921
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>76.862.300.234</b>	<b>70.608.923.751</b>
Thu nhập khác	31	27	262.062.339.397	4.210.152.821
Chi phí khác	32	28	258.796.460.419	3.550.850.747
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>3.265.878.978</b>	<b>659.302.074</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>80.128.179.212</b>	<b>71.268.225.825</b>
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	(3.413.291.879)	15.816.003.765
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>83.541.471.091</b>	<b>55.452.222.060</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>30</b>	<b>1.375</b>	<b>913</b>

Ngày 25 tháng 9 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Thị Như Hiếu

Kế toán trưởng



Ngô Thị Thu Trang

Giám đốc tài chính



Võ Thị Thùy Tiên



Trần Kim Dũng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>80.128.179.212</b>	<b>71.268.225.825</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		48.637.951.480	19.301.582.220
Các khoản dự phòng	03		1.594.627.363	10.204.290.758
Thu nhập lãi và cổ tức	05		(28.996.923.168)	(16.408.693.317)
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	05		47.180.812	507.950.890
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	05		(4.216.519.629)	-
Chi phí lãi vay	06		46.034.371.948	24.570.492.372
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>143.228.868.018</b>	<b>109.443.848.748</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		258.076.852.165	(258.131.173.959)
Biến động hàng tồn kho	10		19.415.736.482	(289.835.092.604)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(17.234.821.973)	51.351.482.586
Biến động chi phí trả trước	12		(5.038.746.402)	172.660.735
			<b>398.447.888.290</b>	<b>(386.998.274.494)</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(47.762.082.470)	(19.535.354.703)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(30.997.848.429)	(7.916.699.240)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		16.248.338.587	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(12.752.042.239)	(5.314.371.218)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>323.184.253.739</b>	<b>(419.764.699.655)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(84.991.417.756)	(54.277.940.023)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		256.153.461.633	671.250.000
Tiền chi đầu tư cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23		(30.800.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	24		-	46.800.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(244.676.880.800)	(27.085.078.050)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		60.902.677.000	-
Tiền thu lãi và cổ tức	27		28.709.752.780	20.068.864.518
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(14.702.407.143)</b>	<b>(13.822.903.555)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.695.436.096.327	920.224.596.430
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.651.968.307.182)	(785.422.931.147)
Tiền chi trả cổ tức	36		(30.375.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>13.092.789.145</b>	<b>134.801.665.283</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>321.574.635.741</b>	<b>(298.785.937.927)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>19.932.166.208</b>	<b>318.718.104.135</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>341.506.801.949</b>	<b>19.932.166.208</b>

Ngày 25 tháng 9 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Thị Như Hiếu

Kế toán trưởng



Ngô Thị Thu Trang

Giám đốc tài chính



Võ Thị Thủy Tiên

Tổng Giám đốc



Trần Kim Dũng

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

## **Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 09 – DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

### **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (“Nhà máy Đường Ninh Hòa - Công ty Đường Khánh Hòa”) theo Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2005 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ từ mía; sản xuất và kinh doanh mua bán điện; thi công xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; mua bán các vật tư nông nghiệp và kinh doanh bất động sản; sản xuất và kinh doanh phân bón; và kinh doanh dịch vụ kho bãi.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 125/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông vào ngày 12 tháng 6 năm 2014, các cổ đông đã thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu của Công ty. Trong đó, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa sẽ phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty theo tỷ lệ hoán đổi 1:1. Kết quả là Công ty sẽ chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Tại ngày lập báo cáo này, việc hoán đổi cổ phiếu này vẫn chưa hoàn tất.

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 21 tháng 9 năm 2015, cổ phiếu của Công ty sẽ được hủy niêm yết từ ngày 28 tháng 10 năm 2015.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 444 nhân viên (30/6/2014: 410 nhân viên).

### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

#### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Báo cáo tài chính đính kèm là báo cáo tài chính riêng mà trong đó các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc trừ khoản dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư này, nếu có. Công ty có lập báo cáo tài chính hợp nhất trong đó bao gồm tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của các công ty con. Công ty phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**(c) Kỳ kế toán năm**

Trong những năm trước, kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty thay đổi kỳ kế toán năm như sau:

- Kỳ kế toán đầu tiên sau thay đổi là từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014; và
- Kỳ kế toán các năm tiếp theo là từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

Theo đó, số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng thể hiện kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 (kỳ 6 tháng) và không thể so sánh được với các số liệu kỳ hiện tại.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**(c) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Các khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản lợi nhuận phát sinh trước ngày Công ty mua khoản đầu tư đó được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Trả trước cho người bán**

Trong khoản trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn. Dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Từ ngày 1 tháng 7 năm 2014, Công ty điều chỉnh thời gian hữu dụng ước tính để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng của tài sản cố định hữu hình.

Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình của Công ty trước và sau khi điều chỉnh như sau:

	<b>Trước</b>	<b>Sau</b>
▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 25 năm	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm	8 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm	3 – 8 năm

Ảnh hưởng đối với giá trị chi phí khấu hao trong kỳ là đã làm tăng giá trị chi phí khấu hao 5 tỷ VND.

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không được khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

**(ii) Phần mềm vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất là từ 6 đến 50 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Dự phòng chi phí bảo trì trước mùa vụ**

Trong những năm tài chính trước, Công ty trích trước một số khoản chi phí phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC. Những chi phí này bao gồm chi phí bảo trì máy móc, chi phí nhân công thực hiện công việc bảo trì máy móc và chi phí khấu hao máy móc (“chi phí bảo trì trước mùa vụ”), những chi phí này được ước tính và bao gồm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất trước.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty đã thay đổi chính sách kế toán sang ghi nhận những chi phí này trong tài khoản chi phí trả trước ngắn hạn, những chi phí này nằm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng chi phí bảo trì trước mùa vụ này phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ góp phần vào việc duy trì hoạt động của những tài sản này trong suốt mùa vụ sản xuất tiếp theo. Công ty không có nghĩa vụ phát sinh những chi phí này sau mỗi mùa vụ sản xuất, do đó không bắt buộc phải trích trước những chi phí này. Do đó, Công ty cho rằng chính sách kế toán mới này cung cấp thông tin liên quan và đáng tin cậy hơn về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Việc thay đổi chính sách kế toán không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Do đó, Công ty đã không thực hiện việc điều chỉnh hồi tố.

**(m) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính trước hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(n) Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập báo cáo tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

**(q) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

**(r) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) Điện**

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(iii) Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(s) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(t) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

**(u) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

**(v) Các bên liên quan**

Các cổ đông, các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**4. Báo cáo bộ phận**

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	26.428.625	32.726.504
Tiền gửi ngân hàng	21.480.373.324	19.899.439.704
Các khoản tương đương tiền	320.000.000.000	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng</b>	<b>341.506.801.949</b>	<b>19.932.166.208</b>

**6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh khoản cho Công ty Cổ phần Bò Giống Miền Trung, một công ty con, vay với thời gian đáo hạn là một năm và các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn hơn ba tháng kể từ ngày gửi tiền. Các khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất năm lần lượt là 6,5% và 7% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: lần lượt là 6,5% và 7% một năm).

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm 2 tỷ VND (30/6/2014: 22 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**7. Các khoản phải thu**

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu từ các bên liên quan</b>		
Thương mại	96.858.100.879	244.114.779.625
Phi thương mại	1.824.897.300	297.534.666.293

Khoản phải thu thương mại và phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Trong trả trước cho người bán có khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị ghi sổ là 87.099 triệu VND (30/6/2014: 124.916 triệu VND). Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía không có đảm bảo, ngoại trừ các khoản trả trước với giá trị lớn hơn 300 triệu VND được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân, và hưởng lãi suất năm từ 9% đến 10% trong kỳ. Trong trường hợp nông dân hoàn thành một số điều kiện theo hợp đồng, Công ty sẽ hỗ trợ một phần lãi suất cho nông dân tương ứng từ 20% đến 35% số tiền lãi phải trả. Các khoản trả trước này được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Công ty.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản phải thu của Công ty với giá trị ghi sổ là 98 tỷ VND (30/6/2014: 106 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, không có khoản trả trước cho người bán được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (30/6/2014: 72 tỷ VND).

Trong kỳ, Công ty đã cần trừ tổng cộng 337.700 triệu VND trả trước cho nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 322.582 triệu VND).

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Chuyển giao dự án nhiệt điện bã mía cho Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa (a)	-	230.383.897.177
Chuyển giao bộ máy phát điện bằng tua bin với công suất 30.000 kW cho Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa (a)	-	56.797.200.000
Phải thu từ Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (b)	-	5.679.720.000
Đặt cọc theo thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang (c)	-	3.085.078.050
Phải thu từ thanh lý cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang (d)	46.268.888.000	-
Phải thu từ thanh lý cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín (e)	5.000.000.000	-
Chi trả hộ Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa	37.122.579	6.586.961.173
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	1.306.250.000	1.828.750.000
Lãi phải thu ngân hàng	345.772.221	-
Lãi phải thu từ các khoản cho Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Khu công nghiệp Đặng Huỳnh vay	1.368.263.889	-
Lãi phải thu do thanh toán chậm	396.784.722	1.590.608.776
Lãi phải thu từ các khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công vay	-	339.291.667
Lãi phải thu từ các khoản cho Công ty Cổ phần Bò Giồng Miền Trung vay	106.249.999	-
Phải thu khác	8.903.667.862	565.790.849
	<hr/>	<hr/>
	63.732.999.272	306.857.297.692

- (a) Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã chuyển giao máy móc và thiết bị liên quan đến dự án nhiệt điện bã mía và bộ máy phát điện bằng tua bin với công suất 30.000 kW cho Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa (“Nhiệt điện Ninh Hòa”), một công ty con. Các máy móc và thiết bị này đã được Nhiệt điện Ninh Hòa đưa vào sử dụng. Trong kỳ, Công ty đã bán các máy móc và thiết bị này với giá trị là 255 tỷ VND cho Nhiệt điện Ninh Hòa.

## Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

- (b) Theo hợp đồng thuê tài chính số 05.04.13/HĐTC-DNH ký với Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu ngày 22 tháng 4 năm 2013, Công ty thuê một bộ máy phát điện bằng tua bin với công suất 30.000 kW với giá trị là 2.734.000 Đô la Mỹ. Bộ máy phát điện bằng tua bin đã được chuyển giao cho Nhiệt điện Ninh Hòa (xem (a)). Khoản này thể hiện thuế giá trị gia tăng liên quan đến máy phát điện mà Công ty trả thay cho Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Trong kỳ, Công ty đã thu được khoản trả thay này.
- (c) Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã đặt cọc mua 1.123.890 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang, một công ty con, từ Tổng công ty Dầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước. Trong kỳ, Công ty đã nhận được giấy chứng nhận cổ phiếu và thực hiện việc mua các cổ phiếu này.
- (d) Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 24 tháng 6 năm 2015 đã quyết định thanh lý toàn bộ lợi ích của Công ty trong Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang (“Đường Phan Rang”). Công ty đã hoàn tất việc thanh lý này trong tháng 6 năm 2015. Khoản này thể hiện số tiền phải thu từ việc thanh lý cổ phiếu của Đường Phan Rang.
- (e) Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 24 tháng 6 năm 2015 đã quyết định thanh lý toàn bộ lợi ích của Công ty trong Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín (“Sơn Tín”). Công ty đã hoàn tất việc thanh lý này trong tháng 6 năm 2015. Khoản này thể hiện số tiền phải thu từ việc thanh lý cổ phiếu của Sơn Tín.

## 8. Hàng tồn kho

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Nguyên vật liệu	16.489.281.924	10.385.615.745
Công cụ và dụng cụ	26.913.250	36.955.903
Sản phẩm dở dang	1.068.017.101	527.625.073
Thành phẩm	294.128.926.187	319.255.740.853
Hàng hóa	12.468.277.066	13.391.214.436
	<hr/>	<hr/>
	324.181.415.528	343.597.152.010

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 324.181 triệu VND (30/6/2014: 343.597 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	38.822.051.936	417.498.613.768	9.854.869.197	2.317.667.649	468.493.202.550
Tăng trong kỳ	125.516.963	2.305.663.294	1.128.125.455	-	3.559.305.712
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	15.316.610.736	22.470.227.874	-	-	37.786.838.610
Thanh lý	-	(1.409.361.989)	(933.642.365)	-	(2.343.004.354)
Số dư cuối kỳ	54.264.179.635	440.865.142.947	10.049.352.287	2.317.667.649	507.496.342.518
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	15.740.027.786	117.766.279.424	2.919.129.275	615.554.848	137.040.991.333
Khấu hao trong kỳ	4.764.976.486	42.288.719.963	1.052.039.735	392.996.988	48.498.733.172
Thanh lý	-	(798.226.874)	(695.893.032)	-	(1.494.119.906)
Số dư cuối kỳ	20.505.004.272	159.256.772.513	3.275.275.978	1.008.551.836	184.045.604.599
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	23.082.024.150	299.732.334.344	6.935.739.922	1.702.112.801	331.452.211.217
Số dư cuối kỳ	33.759.175.363	281.608.370.434	6.774.076.309	1.309.115.813	323.450.737.919



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được mua trước ngày 10 tháng 2 năm 2006 được ghi nhận dựa theo giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày cổ phần hóa, theo định giá của Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán và được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 9.625 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (30/6/2014: 9.362 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 180.098 triệu VND (30/6/2014: 312.847 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	58.150.600	579.079.934	637.230.534
Tăng trong kỳ	-	78.000.000	78.000.000
Số dư cuối kỳ	58.150.600	657.079.934	715.230.534
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	-	320.263.704	320.263.704
Khấu hao trong kỳ	-	139.218.308	139.218.308
Số dư cuối kỳ	-	459.482.012	459.482.012
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	58.150.600	258.816.230	316.966.830
Số dư cuối kỳ	58.150.600	197.597.922	255.748.522

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Số dư đầu kỳ	9.665.768.819	250.226.187.190
Tăng trong kỳ	54.208.639.433	95.404.851.348
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(37.786.838.610)	(105.581.372.542)
Chuyển sang Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa	(19.946.897.165)	(230.383.897.177)
Số dư cuối kỳ	6.140.672.477	9.665.768.819

Trong kỳ, không có chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 2.670 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

**12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2015		30/6/2014	
	Số lượng	% vốn chủ sở hữu % quyền biểu quyết	Số lượng	% vốn chủ sở hữu % quyền biểu quyết
		VND		VND
<b>Đầu tư vốn dài hạn vào các công ty con:</b>				
▪ Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung (a)	736.195	62,92%	736.195	62,92%
▪ Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang (b)	-	-	1.619.198	51,68%
▪ Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa (c)	-	100%	-	100%
▪ Ninh Hoa Sugar Private Limited Company (d)	-	100%	-	-
		330.235.035.340		131.406.800.187
<b>Đầu tư vốn dài hạn vào các công ty liên kết:</b>				
▪ Công ty Cổ phần Mía đường 333 (e)	-	-	3.508.981	42,1%
▪ Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai (f)	8.800.000	22,56%	8.800.000	22,56%
		136.918.628.178		136.918.628.178
		136.918.628.178		179.525.027.902
<b>Đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu:</b>				
▪ Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	8.050.000	13,39%	8.050.000	13,39%
▪ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	116.648	0,2%	116.648	0,2%
▪ Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín (g)	-	-	1.500.000	10%
▪ Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	420.000	14%	420.000	14%
		84.000.000.000		84.000.000.000
		1.401.234.798		1.401.234.798
		4.200.000.000		19.500.000.000
		49.000.000.000		4.200.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (h)				
		138.601.234.798		109.101.234.798
		(33.958.628.178)		(32.198.628.178)
		571.796.270.138		387.834.434.709

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

- (a) Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung (“Bò giống Miền Trung”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3703000180 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 21 tháng 12 năm 2005. Hoạt động chính của Bò giống Miền Trung là chăn nuôi bò; trồng mía và các loại cây công nghiệp khác; kinh doanh thức ăn cho gia súc, bò nuôi và các sản phẩm chăn nuôi khác; gia công gỗ và các hoạt động lâm nghiệp; trồng rừng; kinh doanh bất động sản, khách sạn và các hoạt động du lịch.
- (b) Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang (“Đường Phan Rang”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4303000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 26 tháng 12 năm 2005. Hoạt động chính của Đường Phan Rang là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; sản xuất và kinh doanh nước giải khát; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thức ăn gia súc và các sản phẩm nông sản khác; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; cung cấp các dịch vụ gia công và sửa chữa; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; và cung cấp các dịch vụ gửi hàng.

Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 24 tháng 6 năm 2015 đã quyết định thanh lý toàn bộ lợi ích của Công ty trong Đường Phan Rang. Công ty đã hoàn tất việc thanh lý này trong tháng 6 năm 2015.

- (c) Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa (“Nhiệt Điện Ninh Hòa”) là công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4201575358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 9 tháng 10 năm 2013. Hoạt động chính của Nhiệt Điện Ninh Hòa là sản xuất điện để bán; cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện; bán máy móc, thiết bị và linh kiện cho sản xuất công nghiệp, thương mại, đào mỏ, xây dựng, thiết bị văn phòng; kiến trúc các công trình công nghiệp và dân dụng; cung cấp nguồn nhân lực tạm thời cho hoạt động hệ thống điện và các dịch vụ xây dựng khác.
- (d) Ninh Hoa Sugar Private Limited Company (“NHS PTE”) được thành lập tại Singapore theo Giấy Chứng nhận Đầu tư Nước ngoài số 734/BKHĐT-ĐTRNN ngày 12 tháng 8 năm 2014 and Giấy Chứng nhận điều chỉnh số 734/BKHĐT-ĐTRNN-ĐC1 ngày 6 tháng 2 năm 2015 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp. Hoạt động chính của NHS PTE là kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía và các sản phẩm nông sản khác.
- (e) Công ty Cổ phần Mía đường 333 (“Đường 333”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4003000094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28 tháng 6 năm 2006. Hoạt động chính của Đường 333 là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía, sản xuất hạt điều xuất khẩu, sản xuất và kinh doanh nước uống, nước giải khát; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; và kinh doanh các loại nông sản.

Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 25 tháng 12 năm 2014 đã quyết định thanh lý toàn bộ lợi ích của Công ty trong Đường 333. Công ty đã hoàn tất việc thanh lý này trong tháng 2 năm 2015.

- (f) Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai (“SEC”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1950/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 18 tháng 7 năm 1997. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm phụ làm từ mía để bán; trồng cây mía; sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

- (g) Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 24 tháng 6 năm 2015 đã quyết định thanh lý toàn bộ lợi ích của Công ty trong Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín. Công ty đã hoàn tất việc thanh lý này trong tháng 6 năm 2015.
- (h) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn phản ánh khoản tiền gửi với thời gian đáo hạn trên 12 tháng kể từ ngày gửi tiền. Khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng VND và hưởng lãi suất năm là 6,75% trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản đầu tư tài chính dài hạn với giá trị là 236 tỷ VND (30/6/2014: 263 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Biến động của các khoản đầu tư vào các công ty con trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	131.406.800.187	131.406.800.187
Các khoản đầu tư mới trong kỳ	244.676.880.800	-
Thanh lý	(45.848.645.647)	-
Số dư cuối kỳ	330.235.035.340	131.406.800.187

Biến động của các khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	179.525.027.902	155.525.027.902
Các khoản đầu tư mới trong kỳ	-	24.000.000.000
Thanh lý	(42.606.399.724)	-
Số dư cuối kỳ	136.918.628.178	179.525.027.902

Biến động các khoản đầu tư dài hạn khác trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	109.101.234.798	109.101.234.798
Các khoản đầu tư mới trong kỳ	49.000.000.000	-
Thanh lý	(19.500.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	138.601.234.798	109.101.234.798

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	<b>Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Số dư đầu kỳ	32.198.628.178	22.038.628.178
Tăng dự phòng trong kỳ	11.440.000.000	10.160.000.000
Hoàn nhập	(9.680.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	33.958.628.178	32.198.628.178

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu kỳ	9.389.672.100	3.270.225.462	12.659.897.562
Tăng trong kỳ	4.278.008.000	4.213.403.114	8.491.411.114
Phân bổ trong kỳ	(489.846.025)	(2.282.661.047)	(2.772.507.072)
Số dư cuối kỳ	13.177.834.075	5.200.967.529	18.378.801.604

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ là 7.383 triệu VND (30/6/2014: 7.689 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

**14. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>30/6/2014 VND</b>
Vay ngắn hạn	732.943.152.423	680.795.321.740
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	37.350.955.200	30.604.857.872
	770.294.107.623	711.400.179.612

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất năm	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (a)	VND	4,3% - 6,6%	70.000.000.000	38.500.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (b)	VND	5,5% - 6,5%	112.053.014.889	77.557.681.782
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (c)	VND	5,4% - 6,8%	144.247.530.960	132.552.257.824
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (d)	VND	3,5% - 6,2%	182.377.129.274	199.707.561.249
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (e)	VND	4,0% - 4,5%	99.987.758.049	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (f)	VND	5,4% - 6,7%	28.777.719.251	98.977.820.885
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (g)	VND	5,3% - 6,3%	74.000.000.000	36.600.000.000
Ngân hàng Thương mại Chinatrust (h)	VND	5,3% - 6,5%	21.500.000.000	21.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	4,5%	-	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	VND	7,9%	-	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	6,5%	-	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương	VND	7,5%	-	10.900.000.000
			732.943.152.423	680.795.321.740

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 6.000.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một bên liên quan, với giá trị đảm bảo tối thiểu là 6.000.000 Đô la Mỹ (30/6/2014: 6.000.000 Đô la Mỹ), hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ là 16 tỷ VND (30/6/2014: 53 tỷ VND) và các khoản phải thu của Công ty với giá trị ghi sổ là 54 tỷ VND (30/6/2014: 85 tỷ VND).
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai với giá trị là 103 tỷ VND (30/6/2014: 48 tỷ VND).
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển với giá trị còn lại là 5.049 triệu VND (30/6/2014: 5.996 triệu VND), cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai với giá trị là 84 tỷ VND (30/6/2014: 84 tỷ VND) và tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với giá trị là 2 tỷ VND (30/6/2014: 2 tỷ VND).
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 235 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ là 126 tỷ VND (30/6/2014: 136 tỷ VND) và tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam với giá trị là 49 tỷ VND (30/6/2014: không).
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ là 100 tỷ VND (30/6/2014: không).

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một bên liên quan và hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ là 29 tỷ VND (30/6/2014: không).
- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 2.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ là 53 tỷ VND (30/6/2014: 53 tỷ VND) và các khoản phải thu của Công ty với giá trị ghi sổ là 22 tỷ VND (30/6/2014: 21 tỷ VND).
- (h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 1.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu của Công ty với giá trị ghi sổ là 22 tỷ VND (30/6/2014: không).

**15. Phải trả người bán**

Trong phải trả người bán có các khoản phải trả cho các bên liên quan như sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Phải trả các bên liên quan	2.576.830.919	381.506.925

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**16. Thuế phải nộp Nhà nước**

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.684.112.921	4.186.882.064
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	13.837.096.905
Các loại thuế khác	558.000	491.640
	1.684.670.921	18.024.470.609



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

**17. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2014</b> <b>VND</b>
Chi phí bổ sung cuối vụ cho nông dân trồng mía	19.524.231.742	19.741.466.580
Chi phí lãi vay	4.731.136.280	6.458.846.802
Chi phí vận chuyển	1.100.798.018	1.771.616.818
Phí tư vấn	251.111.112	1.053.725.416
Chi phí khác	813.604.089	744.398.309
	<hr/> 26.420.881.241	<hr/> 29.770.053.925 <hr/>

**18. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2014</b> <b>VND</b>
Khoản ứng trước từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải trả cho nông dân trồng mía	3.973.545.925	4.329.806.688
Cổ tức phải trả	2.847.996.800	33.222.996.800
Tiền đặt cọc đã nhận	378.200.000	294.200.000
Phải trả khác	603.866.993	2.037.238.606
	<hr/> 27.803.609.718	<hr/> 59.884.242.094 <hr/>

(\*) Công ty nhận ứng trước từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa theo chính sách bình ổn giá thị trường trong dịp Tết Nguyên đán năm 2015. Khoản ứng trước này chịu lãi suất năm 1,8% trong kỳ và phải hoàn trả trong vòng 6 tháng tính từ ngày nhận khoản ứng trước.

**19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

	<b>Từ 1/7/2014</b> <b>đến 30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>Từ 1/1/2014</b> <b>đến 30/6/2014</b> <b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	7.567.395.460	7.151.633.551
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ	10.978.205.953	6.545.222.206
Phân loại lại từ các khoản phải trả, phải nộp khác	1.109.044.441	-
Hoàn nhập trong kỳ	(500.000.000)	(815.089.079)
Sử dụng trong kỳ	(11.121.989.239)	(5.314.371.218)
	<hr/> 8.032.656.615	<hr/> 7.567.395.460 <hr/>

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**20. Vay và nợ dài hạn**

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Vay dài hạn	121.390.604.269	130.070.645.807
Nợ thuê tài chính	3.058.000.000	53.163.260.002
	124.448.604.269	183.233.905.809
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14)	(37.350.955.200)	(30.604.857.872)
Hoàn trả sau 12 tháng	87.097.649.069	152.629.047.937

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Vay từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam					
Khoản vay 1 (a)	VND	7,1% - 9%	2018	121.390.604.269	130.070.645.807
Nợ phải trả Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu					
Khoản vay 1 (b)	VND	9,7%	2020	-	53.163.260.002
Nợ phải trả Công ty cho thuê Tài chính Quốc Tế					
Khoản vay 1 (c)	VND	8,5%	2018	3.058.000.000	-
				124.448.604.269	183.233.905.809

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 12.000.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất (lô số 01) tại thị xã Ninh Hòa, được ghi nhận trong tài khoản chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ là 7.383 triệu VND (30/6/2014: 7.689 triệu VND) và công trình trên đất, được ghi nhận trong tài khoản tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 5.027 triệu VND (30/6/2014: 5.689 triệu VND). Khoản vay này cũng được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị còn lại là 170 tỷ VND (30/6/2014: 301 tỷ VND).
- (b) Khoản nợ này có hạn mức tối đa là 2.734.000 Đô la Mỹ. Trong kỳ, Công ty đã ký hợp đồng để chuyển giao tài sản mua lại thông qua hợp đồng thuê tài chính này và khoản nợ thuê liên quan cho Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa, một công ty con.
- (c) Khoản nợ này có hạn mức tối đa là 6 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản mua lại thông qua hợp đồng thuê tài chính này vẫn chưa lắp đặt xong.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2015</b>		
	<b>VND</b>		
	<b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính</b>	<b>Tiền lãi thuê</b>	<b>Nợ gốc</b>
Trong vòng một năm	2.475.688.203	165.232.118	2.310.456.085
Trong vòng hai đến năm năm	770.216.033	22.672.118	747.543.915
	<u>3.245.904.236</u>	<u>187.904.236</u>	<u>3.058.000.000</u>
	<b>30/6/2014</b>		
	<b>VND</b>		
	<b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính</b>	<b>Tiền lãi thuê</b>	<b>Nợ gốc</b>
Trong vòng một năm	13.608.468.968	5.236.302.038	8.372.166.930
Trong vòng hai đến năm năm	45.360.458.565	11.871.790.845	33.488.667.720
Sau năm năm	12.047.490.068	745.064.716	11.302.425.352
	<u>71.016.417.601</u>	<u>17.853.157.599</u>	<u>53.163.260.002</u>

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

**21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	607.500.000,000	12.132.550.000	109.220.527.995	15.599.345.134	90.714.905.165	835.167.328.294
Tặng khác	-	33.000.000	-	-	-	33.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	55.452.222.060	55.452.222.060
Hoàn nhập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	815.089.079	815.089.079
Phân bổ vào các quỹ	-	-	2.772.611.103	2.772.611.103	(5.545.222.206)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(6.545.222.206)	(6.545.222.206)
Phân bổ vào quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(1.109.044.441)	(1.109.044.441)
Cổ tức	-	-	-	-	(30.375.000.000)	(30.375.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	607.500.000,000	12.165.550.000	111.993.139.098	18.371.956.237	103.407.727.451	853.438.372.786
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	83.541.471.091	83.541.471.091
Hoàn nhập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	500.000.000	500.000.000
Phân bổ vào các quỹ	-	-	4.177.073.555	4.177.073.555	(8.354.147.110)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(10.978.205.953)	(10.978.205.953)
Sử dụng trong kỳ	-	-	-	(94.501.500)	-	(94.501.500)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	607.500.000,000	12.165.550.000	116.170.212.653	22.454.528.292	168.116.845.479	926.407.136.424

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

**22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		30/6/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	60.750.000	607.500.000.000	60.750.000	607.500.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	60.750.000	607.500.000.000	60.750.000	607.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

Biến động thặng dư vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	12.165.550.000	12.132.550.000
Tăng khác	-	33.000.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>12.165.550.000</b>	<b>12.165.550.000</b>

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

**23. Doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Tổng doanh thu		
▪ Đường	865.934.879.312	494.496.644.020
▪ Mật	58.136.670.632	54.719.508.268
▪ Mía giống	663.596.400	1.431.859.000
▪ Điện	-	544.752.959
▪ Bùn, tro, bã	14.584.621.192	11.189.372.584
▪ Phân bón	74.075.004.488	65.580.738.160
▪ Thuốc trừ sâu	5.318.925.570	5.432.762.136
▪ Khác	1.070.113.616	1.687.668.216
	1.019.783.811.210	635.083.305.343
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(57.065.924)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(2.432.242.877)	-
	(2.489.308.801)	-
Doanh thu thuần	1.017.294.502.409	635.083.305.343

**24. Giá vốn hàng bán**

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Giá vốn hàng bán		
▪ Đường	709.594.486.286	380.195.762.766
▪ Mật	58.136.670.632	54.719.508.268
▪ Mía giống	679.786.500	1.555.508.458
▪ Điện	-	518.838.209
▪ Bùn, tro, bã	12.186.524.473	9.053.106.917
▪ Phân bón	70.003.871.806	63.141.520.152
▪ Thuốc trừ sâu	5.055.683.370	4.972.601.207
▪ Khác	3.316.009.845	1.699.947.321
	858.973.032.912	515.856.793.298

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	18.466.519.629	-
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân để trồng mía	8.848.650.865	2.857.648.211
Thu nhập cổ tức	4.516.648.000	-
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	2.678.551.566	2.587.903.456
Lãi từ các khoản cho bên liên quan vay	437.766.299	2.139.597.222
Lãi từ các khoản cho các công ty khác vay	5.484.448.253	1.689.213.333
Lãi do thanh toán chậm	6.879.629.018	5.972.971.373
Lãi từ các khoản ứng trước tiền mua hàng	151.229.167	907.309.499
Lãi từ cổ tức	-	254.050.223
Doanh thu hoạt động tài chính khác	151.269.998	8.971.343
	47.614.712.795	16.417.664.660

**26. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Chi phí lãi vay	46.034.371.948	24.570.492.372
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14.250.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	1.760.000.000	10.160.000.000
Chi phí môi giới	6.018.169.541	-
Chi phí tài chính khác	2.302.060.634	484.804.264
	70.364.602.123	35.215.296.636

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

**27. Thu nhập khác**

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Thu nhập từ bán máy móc và thiết bị cho một công ty con	254.829.257.997	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	801.703.636	2.500.000.000
Thu nhập từ bán mía giống	1.106.190.687	382.895.000
Thu nhập từ thanh lý vật tư, phế liệu	2.700.666.976	144.900.000
Thu nhập khác	2.624.520.101	1.182.357.821
	262.062.339.397	4.210.152.821

**28. Chi phí khác**

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Nguyên giá máy móc và thiết bị bán cho một công ty con	254.829.257.997	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	848.884.448	3.007.950.890
Giá vốn của vật tư thanh lý	444.442.560	119.406.484
Chi phí trồng mía giống	1.112.352.025	223.232.039
Chi phí khác	1.561.523.389	200.261.334
	258.796.460.419	3.550.850.747

**29. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>(Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	12.276.550.581	15.816.003.765
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	(15.689.842.460)	-
	(3.413.291.879)	15.816.003.765



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	80.128.179.212	71.268.225.825
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	16.025.635.842	15.679.009.682
Chi phí không được khấu trừ thuế	859.384.652	136.994.083
Thu nhập không bị tính thuế	(5.220.004.813)	-
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	(15.689.842.460)	-
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	611.534.900	-
	<u>(3.413.291.879)</u>	<u>15.816.003.765</u>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2006 đến năm 2015). Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2006 đến năm 2007) và giảm 50% thuế thu nhập trong 6 năm tiếp theo. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22%.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

**30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 83.541.471.091 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 55.452.222.060 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 60.750.000 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 60.750.000), được tính như sau:

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	83.541.471.091	55.452.222.060
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	83.541.471.091	55.452.222.060

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 Số cổ phiếu	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Số cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	60.750.000	60.750.000

**31. Các công cụ tài chính**

**(a) Quản lý rủi ro tài chính**

**(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Phần thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro trong các rủi ro trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

**(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, các khoản trả trước cho nông dân để trồng mía, tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay phải thu từ một bên liên quan của Công ty.

**(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền (ii)	341.480.373.324	19.899.439.704
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào tiền gửi có kỳ hạn (ii)	2.000.000.000	22.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào khoản cho công ty con vay (iii)	3.000.000.000	1.200.000.000
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác (iv)	169.806.895.431	657.360.388.570
Trả trước cho người bán (v)	86.938.462.192	124.590.375.278
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào tiền gửi có kỳ hạn (ii)	49.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	652.225.730.947	825.050.203.552

**(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn vào tiền gửi có kỳ hạn**

Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn vào tiền gửi có kỳ hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(iii) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào khoản cho công ty con vay**

Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn liên quan đến khoản cho công ty con vay. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ khoản cho vay này và không cho rằng công ty con này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**(iv) Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hơn nữa, khách hàng được yêu cầu phải ứng tiền trước khi thực hiện yêu cầu mua hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 7 ngày hoặc 10 ngày hoặc 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 7 ngày hoặc 10 ngày hoặc 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua hàng trả chậm.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Trong hạn	65.917.328.834	308.832.759.294
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	58.850.207.643	122.355.886.378
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	45.039.358.954	226.171.742.898
	<hr/>	<hr/>
	169.806.895.431	657.360.388.570

**(v) Trả trước cho người bán**

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản trả trước cho nông dân trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng hộ nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách trả trước mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ hộ nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện đầu tư và thu hồi vốn chuẩn cho hộ nông dân đó. Hơn nữa, hộ nông dân được yêu cầu phải bán tất cả mía của họ cho Công ty và khoản này sẽ được cần trừ vào khoản trả trước tương ứng. Khoản trả trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Công ty. Hộ nông dân có số dư trả trước quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản đầu tư mới.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản trả trước chưa quyết toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản trả trước như sau:

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2014</b> <b>VND</b>
Trong hạn	86.619.697.005	124.208.592.054
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	479.068.910	545.310.245
Quá hạn trên 180 ngày	-	162.149.339
	<hr/>	<hr/>
	87.098.765.915	124.916.051.638

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<b>Từ 1/7/2014</b> <b>đến 30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>Từ 1/1/2014</b> <b>đến 30/6/2014</b> <b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	325.676.360	281.385.602
Trích lập dự phòng trong kỳ	25.954.145	44.290.758
Hoàn nhập	(191.326.782)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	160.303.723	325.676.360

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

**Ngày 30 tháng 6 năm 2015**

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn	732.943.152.423	741.730.810.253	741.730.810.253	-	-	-
Phải trả người bán	42.003.480.171	42.003.480.171	42.003.480.171	-	-	-
Phải trả người lao động	10.953.118.818	10.953.118.818	10.953.118.818	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nợ khác	27.803.609.718	27.803.609.718	27.803.609.718	-	-	-
Chi phí phải trả	26.420.881.241	26.420.881.241	26.420.881.241	-	-	-
<b>Vay và nợ dài hạn</b>						
Vay và nợ dài hạn	124.448.604.269	140.155.612.505	48.053.455.851	40.224.668.602	51.877.488.052	-
	964.572.846.640	989.067.512.706	896.965.356.052	40.224.668.602	51.877.488.052	-

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn	680.795.321.740	689.666.474.545	689.666.474.545	-	-	-
Phải trả người bán	77.650.872.646	77.650.872.646	77.650.872.646	-	-	-
Phải trả người lao động	10.851.139.921	10.851.139.921	10.851.139.921	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nợ khác	59.884.242.094	59.884.242.094	59.884.242.094	-	-	-
Chi phí phải trả	29.770.053.925	29.770.053.925	29.770.053.925	-	-	-
<b>Vay và nợ dài hạn</b>						
Vay và nợ dài hạn	183.233.905.809	224.960.765.331	54.240.243.389	50.618.211.229	108.054.820.645	12.047.490.068
	1.042.185.536.135	1.092.783.548.462	922.063.026.520	50.618.211.229	108.054.820.645	12.047.490.068

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì các hạn mức tín dụng với các ngân hàng.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Công ty không có rủi ro tỷ giá hối đoái trọng yếu do chủ yếu các giao dịch của Công ty được thực hiện bằng VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Các khoản tương đương tiền	320.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	23.200.000.000
Trả trước cho người bán	86.938.462.192	124.590.375.278
Đầu tư tài chính dài hạn khác	49.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
	<hr/>	<hr/>
	440.938.462.192	127.790.375.278
	<hr/>	<hr/>
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b>		
Tiền gửi ngân hàng	21.480.373.324	19.899.439.704
Phải thu khách hàng	21.383.945.250	297.242.853.270
Vay ngắn hạn	(732.943.152.423)	(680.795.321.740)
Vay và nợ dài hạn	(124.448.604.269)	(183.233.905.809)
	<hr/>	<hr/>
	(814.527.438.118)	(546.886.934.575)
	<hr/>	<hr/>

Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Việc tăng 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 6,5 tỷ VND (30/6/2014: 4,3 tỷ VND) lợi nhuận thuần của Công ty. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

**(c) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	341.506.801.949	19.932.166.208
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	23.200.000.000
- Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	169.806.895.431	657.360.388.570
- Trả trước cho người bán	86.938.462.192	124.590.375.278
- Đầu tư tài chính dài hạn khác	49.000.000.000	-
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:		
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	89.601.234.798	109.101.234.798
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp khác	69.807.089.889	137.535.114.740
- Các khoản nợ ngắn hạn khác	37.374.000.059	40.621.193.846
- Các khoản vay và nợ	857.391.756.692	864.029.227.549

*Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, trả trước cho người bán, phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp khác, các khoản vay ngắn hạn và các khoản nợ ngắn hạn khác*

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính này xấp xỉ bằng giá trị hợp lý của chúng do thời gian đáo hạn ngắn hạn của các công cụ này.

*Đầu tư tài chính dài hạn khác và vay và nợ dài hạn*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***Đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu*

	Thuyết minh	30/6/2015		30/6/2014	
		Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	(i)	1.401.234.798	1.563.083.200	1.401.234.798	1.399.776.000
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	(ii)	84.000.000.000		84.000.000.000	
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	(ii)	-		19.500.000.000	
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	(ii)	4.200.000.000		4.200.000.000	
		89.601.234.798	1.563.083.200	109.101.234.798	1.399.776.000

- (i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được xác định theo giá tham chiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.
- (ii) Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai và Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công chưa niêm yết hoặc chưa được giao dịch trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo yêu cầu của Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường năng động cho các khoản đầu tư này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường năng động. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**32. Các giao dịch đầu tư và tài chính phi tiền tệ**

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Cổ tức phải trả	-	30.375.000.000
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	25.488.584.520	14.770.694.808
Tặng tài sản cố định chuyển từ tài khoản trả trước cho người bán	1.264.000.000	30.366.707.350
Thanh lý tài sản cố định nhưng chưa thu được	1.306.250.000	1.828.750.000
Thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn nhưng chưa thu được	51.268.888.000	-

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

**33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Cổ đông</b>		
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công</b>		
Bán hàng hóa	148.374.196.421	378.093.773.760
Mua tài sản cố định	-	151.191.000
Thanh lý tài sản cố định	-	1.900.000.000
Phí dịch vụ tư vấn	8.060.505.050	497.000.000
Lãi do thanh toán chậm	2.993.580.130	5.904.546.373
Cho vay ngắn hạn	-	164.000.000.000
Thu nhập lãi	-	2.126.416.666
Phí dịch vụ khác	-	297.434.114
<b>Các công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung</b>		
Bán hàng hóa	-	1.315.039.178
Thu nhập lãi	437.766.299	48.108.524
Phí quản lý đất	132.000.000	66.000.000
Cho vay ngắn hạn	3.800.000.000	1.200.000.000
Mua mía nguyên liệu	3.759.873.500	3.356.181.956
Ứng trước tiền mua hàng	639.062.000	1.198.208.792
<b>Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa</b>		
Góp vốn	208.000.000.000	-
Chi trả hộ	2.476.256.741	3.923.621.313
Chuyển giao dự án nhiệt điện bã mía	23.157.276.642	287.189.097.177
Bán bã mía	6.280.475.462	4.601.834.624
<b>Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang</b>		
Thanh lý tài sản cố định hữu hình và nguyên vật liệu	176.143.500	-
Mua đường	281.589.524	150.870.476
Mua nguyên vật liệu	-	180.993.436
Thanh lý phế liệu	-	159.350.000
Bán hàng hóa	342.370.984	-
<b>Ninh Hoa Sugar Private Limited Company</b>		
Góp vốn	14.956.900.000	-

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai</b>		
Thu nhập từ cổ tức	4.400.000.000	-
Góp vốn	-	24.000.000.000
Thanh lý tài sản cố định	-	600.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	9.159.541.613	-
Bán hàng hóa	6.114.285.600	-
<b>Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa</b>		
Bán hàng hóa	622.895.650.999	74.304.500.000
Mua tài sản cố định	298.000.000	240.000.000
Mua hàng hóa	16.064.996	-
Cổ tức đã trả	200.460.000	-
Thu nhập từ cổ tức	116.648.000	-
Nhận ứng trước tiền mua hàng	110.000.000.000	50.000.000.000
Chi phí lãi từ khoản nhận ứng trước tiền mua hàng	431.027.777	862.298.492
<b>Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền lương và thù lao	6.849.670.488	5.414.036.280

**34. Cam kết vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	47.772.607.980	59.544.862.888

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

**35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	749.301.087.533	664.550.204.279
Chi phí nhân công	56.963.300.173	33.552.899.160
Chi phí khấu hao và phân bổ	48.637.951.480	19.301.582.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.828.618.293	14.126.734.746
Chi phí khác	54.517.823.105	17.368.400.260

Ngày 25 tháng 9 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Thị Như Hiếu

Kế toán trưởng



Ngô Thị Thu Trang

Giám đốc tài chính



Võ Thị Thủy Tiên

Tổng Giám đốc



Trâm Kim Dũng

